TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ	*Đam Rông, ngày 01 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Bùi Thị H**; Sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện R, tỉnh L.

**** Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện R, tỉnh L.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Nguyễn Văn C**; Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện R, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trên một tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị H cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn C được nhận toàn bộ các tài sản chung gồm: 01 lô đất có diện tích 494,7 m^2 thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 108 - Thôn B (Khu cột sóng), xã L, huyện R, tỉnh L trị giá lô đất là 178.092.000 đồng; Công trình xây dựng đã qua sử dụng trên đất gồm 01 ngôi nhà xây cấp 4 có diện tích là 124.6 m^2 trị giá 148.274.000 đồng; 01 tháp nước với giá đỡ bằng sắt, bồn nước hiệu Vạn Thành, bồn inox dạng nằm 500 lít trị giá 3.900.000 đồng và các vật dụng sinh hoạt đã qua sử dụng gồm 01 máy giặt hiệu LG trị giá 1.100.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 500.000 đồng; 01 tủ đựng chén bát bằng nhôm kính trị giá 800.000 đồng; 02 giường gỗ trị giá 3.500.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo bằng nhôm kính trị giá 300.000 đồng; 01 tủ đứng ti vi bằng gỗ kính trị giá 3.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 1.300.000 đồng; 01 ti vi hiệu TCL trị giá là 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung ông Nguyễn Văn C được nhận là 343.266.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

(Có họa đồ trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 09/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng kèm theo Quyết định)

- Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị H ½ giá trị tài sản chung được nhận với số tiền là 171.633.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Bùi Thị H số tiền là 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

(*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).*

2.4. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 8.950.000 đồng (Tám triệu chín trăm năm mười ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Bùi Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003437 ngày 10 tháng 10 năm 2017 và biên lai thu tiền số: AA/2016/0003505 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả bà Bùi Thị H số tiền 8.650.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND thị trấn L,
huyện D, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Bình